

TỈNH ỦY HUNG YÊN**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số 158 - KH/TU

Hung Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH**Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019
của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác,
sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

Thực hiện Nghị quyết số 39NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU**1- Quan điểm chỉ đạo**

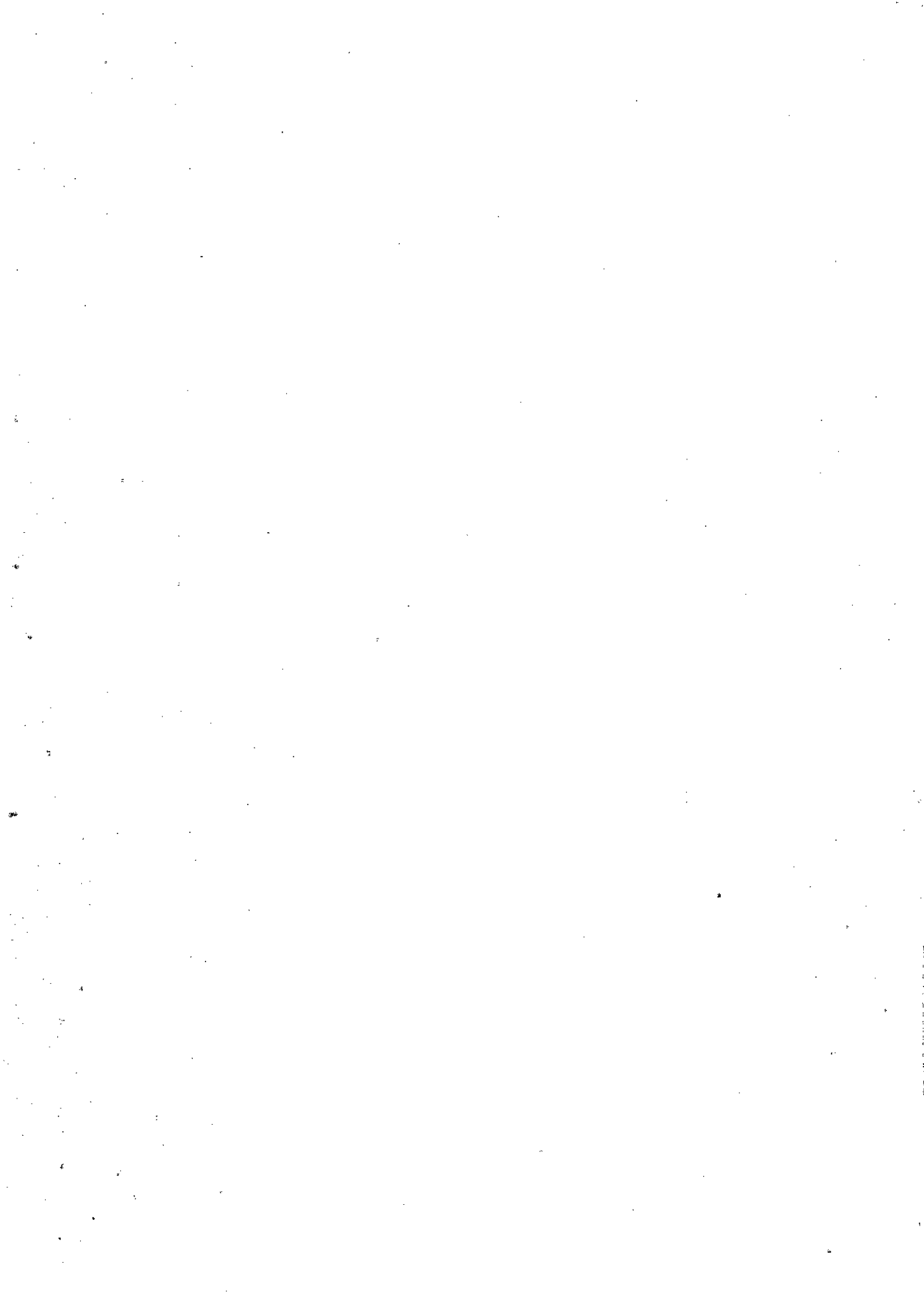
- Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế của tỉnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực cho nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung huy động các nguồn lực, nhất là nguồn đầu tư ngoài ngân sách theo quy định. Tạo cơ chế, môi trường để doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn lực, trong đó tập trung vào quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của tỉnh là cơ sở quan trọng để xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực và huỷ hoại môi trường. Quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.



2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Sớm đưa tỉnh ta trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến tới trở thành tỉnh công nghiệp công nghệ hiện đại, văn minh.

2.2- Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2025: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và thủy sản đạt dưới 25%. Đảm bảo cân bằng về cung - cầu lao động, kể cả yếu tố về trình độ. Hoàn thành hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài.

- Đến năm 2035: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và thủy sản đạt dưới 15%. Chỉ số phát triển con người (HDI) và các chỉ số cấu thành nằm trong nhóm các tỉnh đạt mức khá của toàn quốc. Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ, chuyên gia đầu ngành đủ năng lực nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh, của quốc gia.

- Đến năm 2045: Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp và thủy sản đạt dưới 8%. Chỉ số phát triển con người (HDI) và các chỉ số cấu thành nằm trong nhóm các tỉnh đạt mức cao của toàn quốc. Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực Hưng Yên đạt nhóm các tỉnh ở mức cao của toàn quốc.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025

+ Xây dựng các nhóm giải pháp để thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thành quy hoạch chuyên ngành về sử dụng đất để tích hợp trong quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

+ Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản đồng bộ và hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp hạ tầng giao thông cơ bản đạt cấp quy hoạch đã duyệt. Hoàn thành đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, bao gồm cả Khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt.

- Đến năm 2035

+ Hoàn thiện hệ thống các quy định của tỉnh để thị trường bất động sản được vận hành thông suốt, phù hợp cung - cầu, không để đất hoang hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản, hệ thống quy chuẩn của các sở, ngành phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về tài nguyên nước, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước. Hoàn thiện hệ thống quan trắc thường xuyên tài nguyên nước về trữ lượng, chất lượng nước phục vụ quản lý tài nguyên nước theo hướng tự động hóa.

+ Xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng đảm bảo kết nối thuận tiện, an toàn, thông suốt, hiệu quả cao giữa các phương thức vận tải, giữa Hưng Yên với các tỉnh, thành; phát triển tuyến đường sắt từ ga Lạc Đạo đi thành phố Hưng Yên.

- Đến năm 2045

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

+ Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo vệ các nguồn nước, các lưu vực sông liên tỉnh, nội tỉnh.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng giữa Hưng Yên với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, kết nối tỉnh với hệ thống liên vận quốc gia và quốc tế, giữa đô thị với nông thôn.

c) Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025

+ Giữ vững an ninh tài chính địa phương; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực. Tăng cường khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách. Quản lý tốt các hoạt động khai thác khoáng sản như: Khai thác đất, cát, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu, tránh trường hợp bỏ sót nguồn thu. Tăng cường chống thất thu đối với hộ, cá nhân kinh doanh, đảm bảo không bỏ sót hộ và doanh thu tính thuế. Phân đầu giảm dần tỷ trọng thu tiền sử dụng đất trong tổng thu ngân sách.

+ Đẩy mạnh công tác huy động vốn với các mức lãi suất linh hoạt, triển khai đa dạng các sản phẩm tiết kiệm tích lũy phù hợp để thu hút tối đa nguồn vốn nhàn rỗi của tổ chức và dân cư. Phân đầu nguồn vốn huy động tại địa phương tăng bình quân 10-12%/năm. Tín dụng tăng bình quân 10-12%/năm. Nợ xấu dưới 2%/tổng dư nợ.

- Đến năm 2035

+ Đảm bảo cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn. Tăng cường quản lý, khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý thu nợ, tránh thất thu. Phấn đấu tốc độ tăng thu bình quân 10%/năm. Duy trì cơ cấu thu ngân sách bền vững, cụ thể: Thu ngân sách nhà nước từ đất đai dưới 10% tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm.

+ Nguồn vốn huy động tại địa phương tăng bình quân 8-10%/năm. Tín dụng tăng bình quân 8-10%/năm. Nợ xấu dưới 2%/tổng dư nợ.

- Đến năm 2045

+ Đảm bảo cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn. Giữ ổn định tốc độ tăng thu ngân sách bình quân 10%/năm, trong đó thu từ đất đai chiếm dưới 10% tổng thu ngân sách nhà nước.

+ Tiếp tục duy trì tốc độ tăng nguồn vốn huy động tại địa phương đạt bình quân 8-10%/năm. Tín dụng tăng bình quân 8-10%/năm. Nợ xấu dưới 2%/tổng dư nợ.

II- NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Tiếp tục triển khai hiệu quả: Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 17/8/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 01/8/2016 của Tỉnh ủy về thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, nhằm khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của địa phương.

- Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và vốn đầu tư sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thực hiện rà soát, điều chỉnh các cơ chế chính sách nhằm bảo đảm tính minh bạch và công bằng giữa các thành phần kinh tế. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, các tổ hợp tác, hợp tác xã, các mô hình liên kết hộ sản xuất kinh doanh, kinh tế trang trại.

- Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ của tỉnh, đảm bảo nội dung quy hoạch bắt kịp với tình hình mới và tư duy mới về quy hoạch nhằm tạo hành lang, định hướng rõ ràng cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tư nhân đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Trong đó, chú trọng hỗ trợ đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn cho kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cung cấp thông tin kết nối doanh nghiệp nhằm tăng cường hợp tác, gắn kết giữa các doanh nghiệp trên địa bàn. Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Xây dựng các giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; phấn đấu đến năm 2020: Số doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ đạt 10%/năm, số doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đạt 40-45%, số hàng hóa chủ lực của địa phương (đặc biệt là sản phẩm nông sản) được bảo hộ sở hữu công nghiệp, quản lý phát triển thương hiệu dưới các hình thức chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đạt khoảng 70%.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước trong đó tập trung vào các nội dung: Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Tăng cường phân cấp cho chính quyền cấp dưới, đảm bảo sự thống nhất trong lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý kinh tế - xã hội giữa tỉnh và cấp huyện; đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm của UBND các cấp.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm; trong đó chú trọng bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, điều hành cho cán bộ quản lý, kỹ năng làm việc cho đội ngũ công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ các cấp nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Tích cực thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống tham nhũng, ngăn chặn hành vi độc quyền, xóa bỏ cơ chế xin - cho, lợi ích nhóm, góp phần củng cố niềm tin của các doanh nghiệp và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đẩy

manh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để khai thác tối ưu và hiệu quả. Xây dựng các cơ chế chính sách điều tiết, phân phối, chia sẻ và tái sử dụng hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

2- Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.1- Đối với nguồn nhân lực.

a) Nâng cao nhận thức, xây dựng các giải pháp nhằm phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh

- Tuyên truyền sâu rộng, thông qua các hình thức phong phú, phù hợp với các nhóm đối tượng, nhằm nâng cao nhận thức, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông, chương trình sách giáo khoa mới theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp cho sản xuất như: Nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp cơ khí, điện tử, năng lượng, chế biến nông, thủy sản và công nghiệp phụ trợ, tài chính, bưu chính viễn thông, vận tải, thương mại điện tử... Từ đó góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

- Triệt để khắc phục "bệnh thành tích" và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo; khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao "Bằng cấp", "Chứng chỉ" một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực.

- Hướng dẫn, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các chính sách, pháp luật về việc làm, lao động tiền lương, an toàn vệ sinh lao động và một số văn bản hiện hành có liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và trách nhiệm thực hiện.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn nhân lực. Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

- Đổi mới căn bản và toàn diện chính sách về đánh giá, sử dụng nhân lực trong khu vực nhà nước. Cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm phù hợp

với nhu cầu nhân lực tại các cơ quan, địa phương. Chủ động xây dựng các phương án triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, trả lương theo kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất công việc.

- Đổi mới công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ tiền lương đối với các đơn vị hành chính công dựa trên nguyên tắc thị trường, bảo đảm cán bộ, công chức đủ sống bằng lương và từng bước có tích lũy. Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình đánh giá nhân lực dựa trên năng lực đóng góp, kết quả, năng suất lao động thực tế, thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc. Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực. Tổ chức lại hệ thống cấp bậc đào tạo theo chuẩn mực quốc tế.

- Thường xuyên thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng xã hội hóa và gắn kết với doanh nghiệp nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời phát triển các ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hóa. Thực hiện tốt các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo; đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, tiếp nhận chuyển giao chương trình của các nước tiên tiến vào giảng dạy; áp dụng cơ chế cạnh tranh về chất lượng giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để phát huy hết năng lực của các đơn vị; tăng cường công tác kiểm định chất lượng đào tạo.

- Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và có kế hoạch sử dụng hiệu quả nhân tài được thu hút. Tiếp tục đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục năng khiếu trong giáo dục phổ thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, đóng góp về tài chính, nhân lực, vật lực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu.

c) Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả

- Xây dựng các giải pháp hướng tới cải cách chính sách tiền lương; tăng cường cơ chế thoả thuận về tiền lương; thực hiện trả lương đúng với giá trị sức lao động, để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp và phân luồng học sinh. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng tốt hơn tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của người lao động. Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo nghề, xác định rõ cơ cấu nghề đào tạo, cơ cấu trình độ nghề; rà soát lại các đơn vị có

chức năng dạy nghề và nhu cầu thị trường lao động của tỉnh để có kế hoạch đào tạo nghề sát thực, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Đẩy mạnh hoạt động của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm, phát huy vai trò hiệu quả của sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm và các sàn giao dịch việc làm vệ tinh được mở tại các huyện. Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để khảo sát, nắm bắt kịp thời nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp nhằm tư vấn pháp luật lao động và giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp và người lao động.

2.2- Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Tiếp tục triển khai hiệu quả dự án Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính. Đổi mới chính sách để khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên đất. Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Rà soát, điều chỉnh kịp thời các quy định của tỉnh cụ thể hóa quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên và môi trường, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực đất đai, tài nguyên một cách minh bạch, bình đẳng theo cơ chế thị trường và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích tích tụ ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất quy mô lớn. Hỗ trợ thực hiện dồn thửa đổi ruộng ở các địa bàn phù hợp. Có chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp thuê đất lâu dài của hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ người dân góp vốn bằng đất với doanh nghiệp để tạo quỹ đất hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp. Đảm bảo quỹ đất ổn định để thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp. Bố trí một phần đất chăn nuôi xa khu dân cư, giao thông thuận tiện, dễ cách ly và xử lý môi trường để hình thành những khu chăn nuôi tập trung.

- Xây dựng giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản theo hướng gắn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và quyền lợi của người dân địa phương nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản. Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

- Thực hiện điều tra, đánh giá hiện trạng trữ lượng, chất lượng khoáng sản, lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện đấu giá công khai và chỉ tiếp nhận các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, phương pháp khai thác tiên tiến để thực hiện khai thác. Hoàn thành

quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

- Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Điều tra và lập cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học quốc gia. Hoàn thiện hệ thống tự động hóa các điểm đo mưa, đo mực nước, hệ thống quan trắc cảnh báo biến đổi khí hậu.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Xây dựng các giải pháp để thu hút, tập trung mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, trong đó, đặc biệt chú ý không phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư nếu không xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Kịp thời tham mưu xây dựng và ban hành các quy định của tỉnh nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật liên quan lĩnh vực đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ các dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn và kế hoạch đầu tư hàng năm, rà soát giảm bớt nội dung đầu tư, cắt giảm những chi phí, hạng mục chưa cần thiết của các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả để đảm bảo nguồn lực hoàn thành dự án hoặc xem xét dừng, tạm dừng, hoãn các dự án chưa thực sự cấp thiết để tập trung nguồn vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Chủ động bố trí vốn đầu tư công vào những ngành, lĩnh vực đem lại lợi ích cho xã hội mà khu vực tư nhân trong nước và khu vực FDI không tham gia hoặc tham gia với hiệu quả thấp. Đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai đầu tư các công trình theo hình thức đối tác công - tư (PPP) nhằm huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn. Phân đấu giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư công trong tổng vốn đầu tư phát triển.

- Xây dựng và ban hành các giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình thi công và nghiệm thu dự án đảm bảo chất lượng và đúng thiết kế được duyệt; chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng. Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn đầu tư công.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.3- Đối với nguồn tài lực

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tăng cường quản lý chặt chẽ nợ công, bội chi của ngân sách địa phương, sử dụng nguồn tăng thu để giảm bội chi, sử dụng hiệu quả vốn vay, đánh giá kỹ vấn đề cho vay lại và bảo lãnh vay, bảo đảm an toàn nợ công.

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công theo hướng an toàn, bền vững; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước gắn với huy động tối đa các nguồn lực ngoài nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng và Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020; tập trung xử lý, cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém và xử lý nợ xấu; nâng cao năng lực tài chính và chất lượng tín dụng, chuyển đổi mô hình kinh doanh, quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng; tăng cường, đổi mới công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; bảo đảm an toàn hệ thống. Áp dụng thực hiện giảm lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến của nền kinh tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thị trường vàng, quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý.

- Tiếp tục xây dựng các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán; hình thành và đưa vào hoạt động có hiệu quả thị trường mua bán nợ. Phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá.

- Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện các giải pháp ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước, bảo đảm quyền lợi cho người lao động trong quá trình cổ phần hóa. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản, kể cả đất đai, tài sản vô hình trong cổ phần hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân tham gia vào quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công của tỉnh thông qua việc góp vốn, mua cổ phần. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả.

- Hoàn thành việc sắp xếp trụ sở, xe ô tô công trên địa bàn tỉnh theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc công nhận và xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp quy định tại Nghị định 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ, bảo đảm hoàn thành việc giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập đúng thời hạn quy định.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hoá đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy nhanh việc rà soát, xây dựng quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Từng bước chuyển đổi từ việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sang phương thức đặt hàng, mua hàng, không phân biệt cơ sở công lập ngoài công lập nhằm tạo sự cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập phát triển bình đẳng. Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với nhóm đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao như: y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, theo hướng giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm, được quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí hợp lý.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

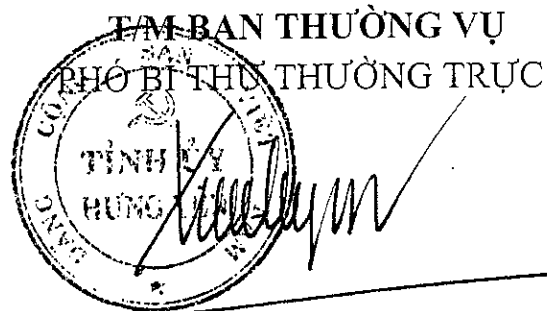
1- Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị.

2- Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung, ban hành văn bản cụ thể hóa những chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành tổ chức thực hiện.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c)
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các đ/c Ủy viên BTV TU,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ tỉnh, các tổ chức CT-XH, XH - NN,
- BTV HU, ThU, ĐUTTTU,
- UBND huyện, thành phố,
- Lưu VPTU; P.KT-XH^{Hạch}.



Đỗ Xuân Tuyên